



Thông số kỹ thuật và lắp đặt

- Thiết kế mới, khả năng chống sốc

Thiết kế 3N (ống dẫn khí mới, quạt tua bin mới và quá trình kết nối mới của mô-tơ) cho phép sản phẩm có khả năng chống sốc. Cung cấp sự an toàn và tin tưởng trong quá trình vận chuyển và sử dụng dài hạn.

- Thiết kế hợp kim nhôm trang nhã

Áp dụng vỏ nhôm kết hợp với ABS, nhỏ gọn và trang nhã, nhẹ và bền, không bao giờ bị gỉ

- Phân phối không khí đồng đều, hiệu suất cao

Kích thước nhỏ gọn, hiệu suất mạnh mẽ. Áp dụng quạt tuabin ly tâm tạo ra tốc độ không khí cao và tiếng ồn thấp. Quạt tuabin thiết kế mới giúp tăng lượng không khí và áp suất không khí một cách hiệu quả. Kết hợp với động cơ hiệu suất cao bằng đồng nguyên chất, sản phẩm có thể chạy liên tục trong khoảng 10.000 giờ.

- Kiểm soát tốc độ dễ dàng

Thiết kế tấm dẫn khí đặc biệt, với hướng không khí có thể điều chỉnh cung cấp rào cản không khí dày hơn. Có sẵn điều khiển từ xa mới và công tắc chia khóa; có thể lựa chọn tốc độ không khí cao hoặc thấp hơn.

QUẠT CẮT GIÓ KYUNGJIN

THÔNG SỐ QUẠT CẮT GIÓ KYUNGJIN

Model	Nguồn điện/tần số	Công suất		Lưu lượng		Vận tốc gió		Độ ồn		Cân nặng	Kích thước
		(W)		(m ³ /h)		(m/s)		(dP)			
		Hi	Low	Hi	Low	Hi	Low	Hi	Low		
KR-900	220V/ 50HZ	200	170	950	750	14.5	11.5	<51	<48	12	900x198x215
KR-1000		210	180	1050	850			<51	<48	15.5	1000x198x215
KR-1200		260	230	1350	1050			<52	<49	14.5	1200x198x215
KR-1500		330	300	1700	1350			<54	<52	18	1500x198x215
KR-1800		390	360	2050	1600			<56	<53	21.5	1800x198x215
KR-2000		400	370	2250	1750			<57	<55	24	2000x198x215

Thông số kỹ thuật và lắp đặt

Quạt thông gió cấp khí tươi KYUNGJIN NF được sử dụng để lắp nối ống phục vụ thông gió tòa nhà, văn phòng, trung tâm thương mại, hút khí thải, khí tươi cho điều hòa trung tâm và những nơi cần lực hút khỏe, độ ồn thấp.

Hiệu suất điện tử cao và tiết kiệm năng lượng. Đáp ứng tiêu chuẩn năng lượng điện tử ERP 2018 của EU.

Hiệu suất ổn định: không ảnh hưởng đến quá trình đo điện áp

Độ rung thấp, độ ồn thấp và có thể hoạt động liên tục

Cấp bảo vệ: IP44

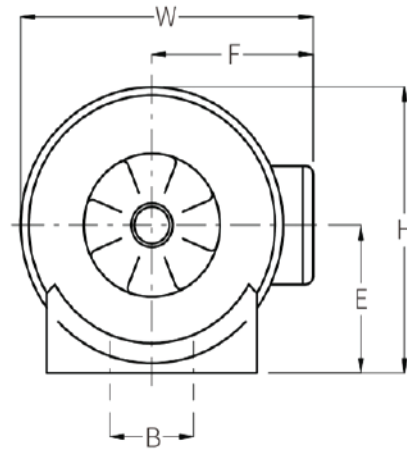
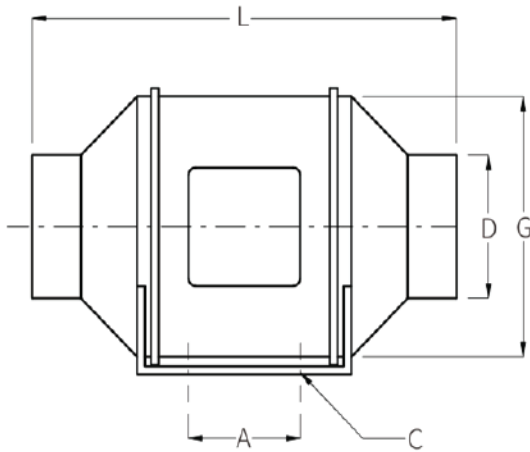
Môi trường hoạt động: -20 độ đến 60 độ C

Ưu điểm quạt thông gió cấp khí tươi KYUNGJIN NF:

- Quạt dùng để lắp nối ống phục vụ thông gió tòa nhà, văn phòng, trung tâm thương mại, hút khí thải, khí tươi cho điều hòa trung tâm và những nơi cần lực hút khỏe, độ ồn thấp.
- Loại quạt âm trần nối ống
- Kích thước nhỏ gọn, thuận tiện khi lắp đặt
- Mẫu mã đa dạng có thể lắp đặt ở nhiều địa hình
- Động cơ thông minh, tiết kiệm điện năng
- Chất lượng ổn định, độ bền cao



QUẠT CẤP KHÍ TƯƠI KYUNGJIN NF



BẢN VẼ KỸ THUẬT 2D

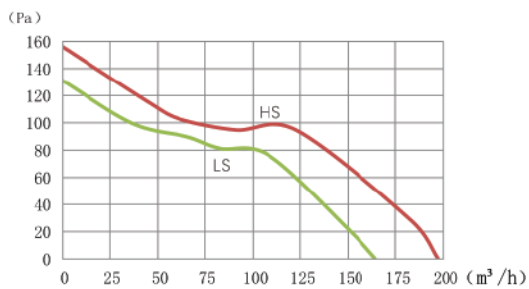
KÍCH THƯỚC

Model	A	B	C	ΦD	E	F	ΦG	L	W	H
NF-100	80	60	4-φ4.5	97	99	116	163	302	204	195
NF-125	80	60	4-φ4.5	123	99	116	163	257	204	195
NF-150	80	60	4-φ5.0	147	109	127	187	313	227	208
NF-200	100	94	4-φ5.5	197	125	137	205	302	249	237
NF-250	150	150	4-φ8*11	247	150	174	261	383	310	286
NF-300	181	178	4-φ8*11	312	187	216	325	446	286	357

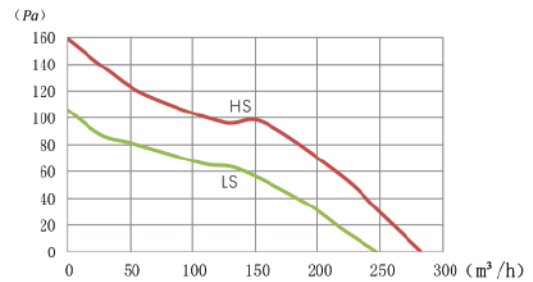
THÔNG SỐ QUẠT CẤP KHÍ TƯỚI KYUNGJIN NF

Model	Tốc độ	Nguồn điện/ Tần số (V/Hz)	Dòng điện (Amps)	Công suất (W)	Vòng quay (RPM)	Lưu lượng M3/H	Áp suất (Pa)	khối lượng tĩnh (kg)
NF-100	H	220~240/50	0.12	26	2200	198	156	1.5
	L		0.11	23	1850	165	131	
NF-120	H	220~240/50	0.14	33	2250	284	159	1.5
	L		0.13	28	1850	248	106	
NF-150	H	220~240/50	0.22	54	2250	530	300	2.6
	L		0.19	44	1850	410	240	
NF-200	H	220~240/50	0.53	128	2450	840	352	4.0
	L		0.52	123	1950	690	274	
NF-250	H	220~240/50	1.20	225	2450	1405	488	7.5
	L		0.75	165	1850	1064	371	
NF-315	H	220~240/50	0.90	390	2350	2206	693	11.0
	L		1.40	275	1650	1750	435	

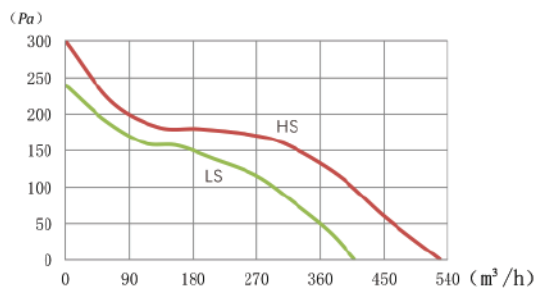
ĐƯỜNG ĐẶC TÍNH MODEL



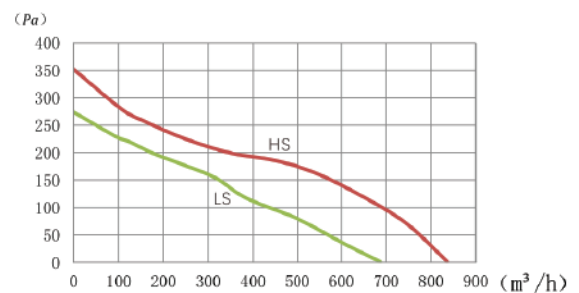
NF-100 performance curve



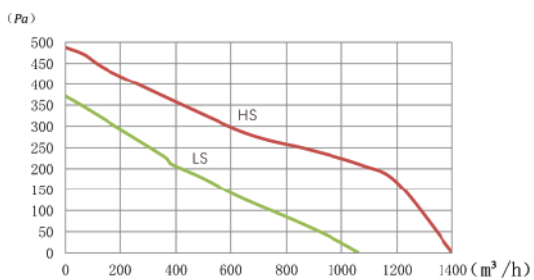
NF-125 performance curve



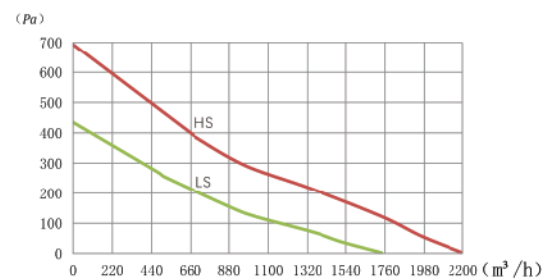
NF-150 performance curve



NF-200 performance curve



NF-250 performance curve



NF-300 performance curve

Thông số kỹ thuật và lắp đặt

Quạt thông gió nối ống âm trần đồng trục dùng để lắp nối ống phục vụ thông gió tòa nhà, văn phòng, trung tâm thương mại, hút khí thải, khí tươi cho điều hòa trung tâm và những nơi cần lực hút khỏe, độ ồn thấp.

Quạt có thể chịu được áp suất cao và có thể hoạt động trong đường ống dài với độ ồn thấp. Nó có khả năng chống ẩm và cho phép lắp đặt trong môi trường ẩm ướt và các hệ thống phức tạp.

Động cơ được tích hợp bộ bảo vệ nhiệt đặt lại tự động và ổ bi NSK

Là động cơ Rotor bên ngoài, với cấu trúc gọn nhẹ, kích thước nhỏ, hoạt động ổn định và tuổi thọ đến tận 50,000 giờ làm việc. Cánh quạt áp dụng ý tưởng thiết kế khí động học tiên tiến, hiệu suất cao và độ ồn thấp.

Quạt được cân bằng ở 2 bên, với độ rung thấp, mức độ cân bằng chính xác là G2.5

Giá đỡ được thiết kế độc đáo giúp lắp đặt dễ dàng và linh hoạt hơn, không cần bảo trì.

Cấp bảo vệ : IP44 , cấp cách điện : F

Ưu điểm quạt thông gió nối ống âm trần đồng trục:

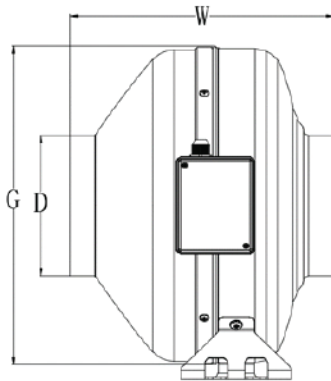
- Sử dụng động cơ quay bên trong, máy chạy êm, tuổi thọ cao
- Thiết kế đặc biệt, luồng khí mạnh, hiệu quả tối đa
- Lớp vỏ bên ngoài khỏe khoắn, sơn tĩnh điện 4 lớp, chống rỉ sét

Ứng dụng quạt thông gió nối ống âm trần đồng trục:

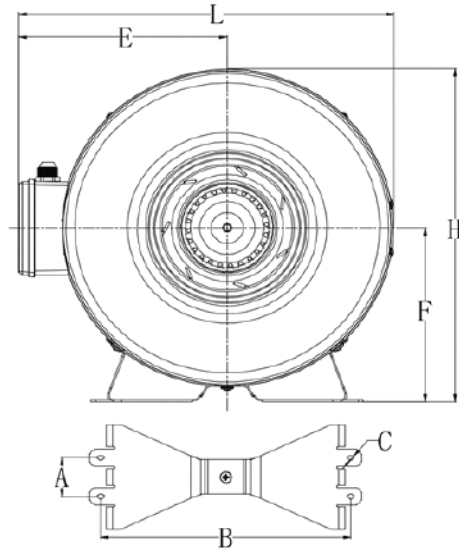
Quạt thông gió nối ống âm trần đồng trục dùng để lắp nối ống phục vụ thông gió tòa nhà, văn phòng, trung tâm thương mại, hút khí thải, khí tươi cho điều hòa trung tâm và những nơi cần lực hút khỏe, độ ồn thấp.



QUẠT THÔNG GIÓ NỐI ỐNG ĐỒNG TRỤC KYUNGJIN ND



BẢN VẼ KỸ THUẬT 2D



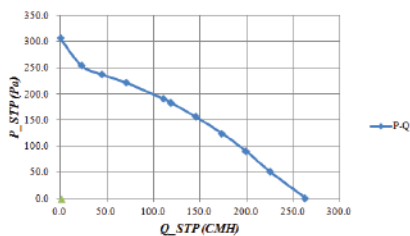
KÍCH THƯỚC

Model	A	B	ΦC	ΦD	E	F	ΦG	L	W	H
ND-100	36	166	5	97	163.5	136.5	244	285	208	258
ND-125	36	166	5	123	163.5	136.5	244	285	198	258
ND-150	40	250	5	147	208.5	181.5	333	375	264	348
ND-160	40	250	5	157	208.5	181.5	333	375	258	348
ND-200	40	250	5	197	208.5	181.5	333	375	242	348
ND-250	40	250	5	247	208.5	181.5	333	375	217	348
ND-315	50	270	5	313	243	215	403	444	253	416

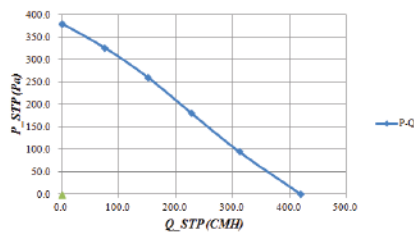
QUẠT THÔNG GIÓ NỔI ỐNG ĐỒNG TRỤC KYUNGJIN ND

Model	Nguồn điện/ Tần số (V/Hz)	Dòng điện (Amps)	Công suất (W)	Vòng quay (RPM)	Lưu lượng (M ³ /H)	Áp suất (Pa)	Khối lượng tĩnh (Kg)
ND-100	220~240/50	0.24	51	2700	262	300	3.18
ND-125	220~240/50	0.35	73	2560	420	368	3.26
ND-150	220~240/50	0.58	110	2450	680	446	4.30
ND-160	220~240/50	0.58	110	2450	770	440	4.40
ND-200	220~240/50	0.75	175	2420	945	674	5.20
ND-250	220~240/50	0.80	175	2420	979	654	5.10
ND315	220~240/50	1.28	225	2520	1660	738	6.62

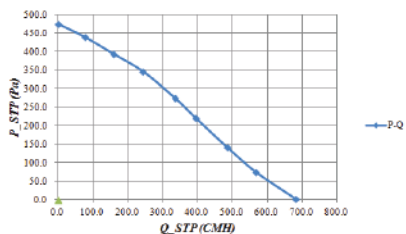
ĐƯỜNG ĐẶC TÍNH MODEL



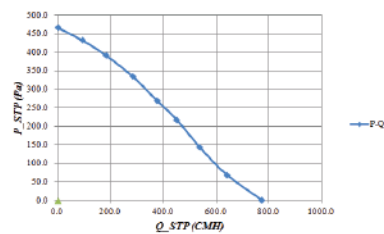
100mm METAL CENTRIFUGAL INLINE DUCT BLOWER



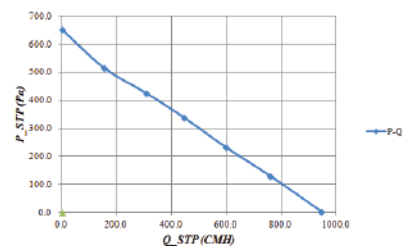
125mm METAL CENTRIFUGAL INLINE DUCT BLOWER



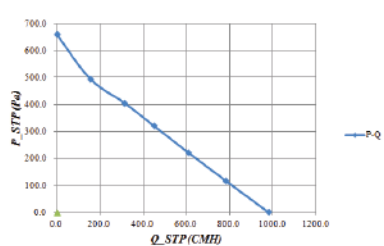
150mm METAL CENTRIFUGAL INLINE DUCT BLOWER



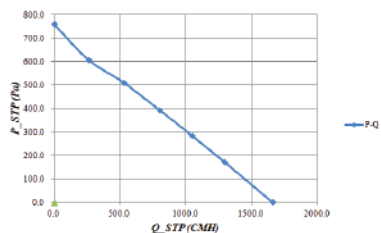
160mm METAL CENTRIFUGAL INLINE DUCT BLOWER



200mm METAL CENTRIFUGAL INLINE DUCT BLOWER



250mm METAL CENTRIFUGAL INLINE DUCT BLOWER



315mm METAL CENTRIFUGAL INLINE DUCT BLOWER

Thông số kỹ thuật và lắp đặt

Thiết kế mỏng, lưu lượng không khí lớn.
Áp suất tĩnh mạnh, khoảng cách phân phối không khí dài.
Sức cản không khí thấp, tỉ lệ lọc được PM2.5 lên đến 99%

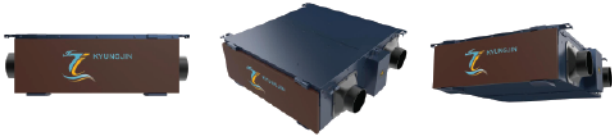
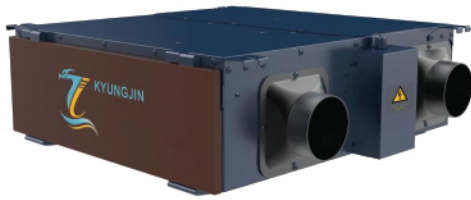


QUẠT CẤP KHÍ TƯƠI VÀ LỌC KHÔNG KHÍ KYUNGJIN

BẢN VẼ KỸ THUẬT 2D

QUẠT CẤP KHÍ TƯƠI VÀ LỌC KHÔNG KHÍ KYUNGJIN

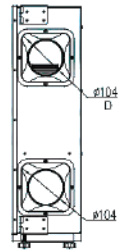
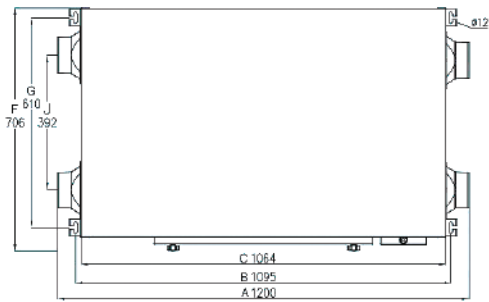
Model	Nguồn điện/ Tần số (V/Hz)	Công suất (W)	Lưu lượng (M ³ /H)	Áp suất (Pa)	Tỉ lệ lọc không khí (%)	Đồ ồn (dB)	Khối lượng tĩnh (Kg)	Diện tích phù hợp (m ²)
NH-150	220/50Hz	75	150	90	99	35-40	11	≤20
NH-300	220/50Hz	90	300	120	99	38-43	12	≤25
NH-500	220/50Hz	130	500	150	99	38-43	15	≤43



Thông số kỹ thuật và lắp đặt

Bộ lọc: đầu lọc G4, bộ lọc HEPA 13, khử tia cực tím
 Thu hồi nhiệt: trao đổi giữa khí thải ra và khí tươi cấp vào để duy trì nhiệt độ không khí trong phòng phù hợp, điều này giảm thiểu năng lượng tiêu hao của điều hòa.
 Sử dụng chất liệu hợp kim bền vững và thân thiện với môi trường.

QUẠT CẤP KHÍ TƯƠI HỒI NHIỆT VÀ LỌC KHÔNG KHÍ



BẢN VẼ KỸ THUẬT 2D

KÍCH THƯỚC

Model	A	B	C	D	E	F	G	L	W	H
NH-260D	1200	1085	1064	104	25	706	610	200	12	392

QUẠT CẤP KHÍ TƯƠI - HỒI NHIỆT VÀ LỌC KHÔNG KHÍ

Model	Nguồn điện/ Tần số (V/Hz)	Công suất (W)	Lưu lượng (M3/H)	Áp suất (Pa)	Tỉ lệ lọc không khí (%)	Tỉ lệ thu hồi nhiệt (%)	Độ ồn (dB)	Khối lượng tịnh (Kg)	Diện tích phù hợp (m2)
NH-260D	220V/50Hz	125	260	120	99	70-73	34-38	40	≤42
NH-360D	220V/50Hz	145	360	150	99	70-73	35-49	42	≤86
NH-500D	220V/50Hz	150	500	170	99	70-73	36-40	42	≤119